

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG MẦM NON TÂN QUY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 109 /QĐ-MNTQ

Quận 7, ngày 10 tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thực hiện dự toán thu-chi ngân sách

Quý 1 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON TÂN QUY

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 8479/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ vào Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân Quận 7 về việc tổ chức lại Trường Mầm non Tân Quy và Trường Mầm non Sơn Ca thành Trường Mầm non Tân Quy;

Căn cứ báo cáo công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý 1 năm 2023 của Trường Mầm non Tân Quy,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thông báo công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý 1 năm 2023 của Trường Mầm non Tân Quy (Chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Toàn thể cán bộ, viên chức Trường Mầm non Tân Quy chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Niêm yết tại trụ sở cơ quan;
- Phòng TC – KH Quận 7;
- Như Điều 3;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Thân Thị Thanh Tao

Quận 7, ngày 10 tháng 4 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm non Tân Quy công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 1 năm 2023 như sau:

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1/2023 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi sự nghiệp				
I	Số thu sự nghiệp	6.112		0,00%	0,00%
1	Hóa đơn bán hàng	518	400	77,22%	71,17%
2	Thu khác	2.275		0,00%	0,00%
	Tổ chức phục vụ bán trú	942	218	23,14%	26,91%
	Vệ sinh bán trú	73	21	28,77%	31,34%
	Thiết bị vật dụng bán trú	60	1	1,67%	1,79%
	Anh văn	570	152	26,67%	38,38%
	Thẻ đục nhíp điệu	231	67	29,00%	48,20%
	Vẽ	231	62	26,84%	44,60%
	Hoạt động giữ trẻ hè	168	0	0,00%	0,00%
3	Thu hộ chi hộ	3.319		0,00%	0,00%
	- Đồ dùng học phẩm	53	1		
	- Tiền ăn bán trú	2.134	607	28,44%	23,36%
	- Tiền ăn sáng	987	321	32,52%	28,82%
	- Bảo hiểm tai nạn	10	0	0,00%	
	- Tiền điện	90	26	28,89%	30,95%
	- Số liên lạc điện tử	45	0	0,00%	
II	Chi từ nguồn thu sự nghiệp			#DIV/0!	0,00%
1	Hóa đơn bán hàng	518	218	42,08%	38,79%
2	Thu khác			#DIV/0!	0,00%
	Tổ chức phục vụ bán trú	942	218	23,14%	26,91%
	Vệ sinh bán trú	73	19	26,03%	28,36%
	Thiết bị vật dụng bán trú	60	21	35,00%	37,50%
	Anh văn	570	147	25,79%	37,12%
	Thẻ đục nhíp điệu	231	64	27,71%	46,04%
	Vẽ	231	61	26,41%	43,88%
	Hoạt động giữ trẻ hè	168	0	0,00%	0,00%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1/2023 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
3	Thu hộ chi hộ			#DIV/0!	0,00%
	- Đồ dùng học phẩm	53	14		
	- Tiền ăn bán trú	2.134	641	30,04%	24,66%
	- Tiền ăn sáng	987	277	28,06%	24,87%
	- Bảo hiểm tai nạn	10	0	0,00%	
	- Tiền điện	90	17	18,89%	20,24%
	- Sổ liên lạc điện tử	45	0	0,00%	
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.110	1.249	15,40%	#DIV/0!
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.110	1.249	15,40%	#DIV/0!
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	nghệ				
2.2	năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8.110	1.249	15,40%	#DIV/0!
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.552	1.249	22,50%	#DIV/0!
	Tiểu mục 6001	1.600	394	24,63%	#DIV/0!
	Tiểu mục 6051	700	161	23,00%	
	Tiểu mục 6099				
	Tiểu mục 6101	40	8	130,00%	#DIV/0!
	Tiểu mục 6105	290	52	46,55%	#DIV/0!
	Tiểu mục 6112	650	135	0,00%	#DIV/0!
	Tiểu mục 6113	0	0	#DIV/0!	#DIV/0!
	Tiểu mục 6115	400	81	#REF!	#REF!
	Tiểu mục 6201				
	Tiểu mục 6301	700	109	15,57%	#DIV/0!
	Tiểu mục 6302	95	19	20,00%	#DIV/0!
	Tiểu mục 6303	61	12	19,67%	#DIV/0!
	Tiểu mục 6304	31	6	19,35%	#DIV/0!
	Tiểu mục 6349	16	3	18,75%	#DIV/0!
	Tiểu mục 6404		0		
	Tiểu mục 6449	750	240	32,00%	#DIV/0!
	Tiểu mục 6551	60	4		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1/2023 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Tiểu mục 6704	18	4		
	Tiểu mục 6754	10	0		
	Tiểu mục 6757		9		
	Tiểu mục 6905	11	0		
	Tiểu mục 6954	20	9	45,00%	#DIV/0!
	Tiểu mục 6912	10			
	Tiểu mục 7001	90	3		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.558			
	Tiểu mục 6449	2.558	165		
4	Chi sự nghiệp ý tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1/2023 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	tân				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	tân				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1/2023 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				



Thủ trưởng đơn vị

Thân Thị Thanh Tao

THUYẾT MINH CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC
QUÝ 1 /2023

Đơn vị: đồng

STT	CHỈ TIÊU			Dự toán quý 1/ 2023	TỔNG ĐƯỢC GIAO TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH			Ghi chú
	MỤC	MÃ NDKT	NỘI DUNG CHI		12.622.071Tự chủ	14.622.071 CTTL (TK 10% chi TX)	14.622.071 CTTL (NQ 03)	
1	6000		Tiền lương	394.328.498	394.328.498	-		
		6001	Lương biên chế	394.328.498	394.328.498			
	6050		Tiền lương HD	161.448.000	161.448.000	-	-	
		6051	Lương HD ND68	161.448.000	161.448.000			
2	6100		Các khoản phụ cấp	278.207.595	278.207.595	-		
		6101	Phụ cấp chức vụ:	8.940.000	8.940.000			
		6105	Phụ cấp làm đêm, thêm giờ	52.819.770	52.819.770			
		6112	Phụ cấp ưu đãi	135.157.900	135.157.900			
		6113	Phụ cấp trách nhiệm	298.000	298.000			
		6115	Phụ cấp TNVK, PCTNNG	80.991.925	80.991.925			
3	6200		Khen thưởng	-	-	-		
		6201	Khen thưởng cá nhân LDTT	-	-			
4	6300		Các khoản đóng góp	150.809.154	150.809.154	-	-	
		6301	BHXH	109.005.432	109.005.432			
		6302	BHYT	19.236.262	19.236.262			
		6303	Kinh phí Công đoàn	12.949.324	12.949.324			
		6304	BHTN	6.412.090	6.412.090			
		6349	BHTNLD-BNN	3.206.046	3.206.046			
5	6400		Các khoản thanh toán cá nhân	239.924.317	239.924.317	-		
		6449	Chi khác	405.123.001	239.924.317		165.198.684	
6	6500		Thanh toán DV công cộng	-	-	-		
		6501	Tiền điện	-	-	-		
		6502	Tiền nước	-	-	-		
		6504	Vệ sinh môi trường	-	-	-		
		...						
7	6550		Vật tư, văn phòng	4.772.000	4.772.000	-		

2	6100		Các khoản phụ cấp		278.207.595	278.207.595	-		
		6551	Văn phòng phẩm		4.772.000	4.772.000			
		6552	Công cụ, dụng cụ		-	-	-		
		6599	Vật tư văn phòng khác		-	-	-		
8	6600		Thông tin liên lạc		-	-	-	-	
		6601	Cước phí ĐT trong nước		-	-	-		
		6608	Báo, tạp chí		-	-	-		
		...							
9	6700		Công tác phí		4.000.000	4.000.000	-		
		6704	Công tác phí khoán		4.000.000	4.000.000	-		
10	6750		Chi phí thuê mướn		10.012.470	10.012.470	-		
		6754	Thuê thiết bị các loại		1.760.000	1.760.000	-		
		6757			8.252.470	8.252.470			
11	6900		Sửa chữa thường xuyên		915.000	915.000	-		
		6912				915.000			
		6954	TS thiết bị chuyên dùng		-	-	-		
		6921	Đường điện, cấp thoát nước		-	-	-		
12	7000		Chi phí nghiệp vụ CM		1.760.000	1.760.000			
		7001	Chi mua hàng hóa vật tư		1.760.000	1.760.000			
		7049	Chi phí CM khác		-	-			
16	7750		Chi khác		-	-	-		
		7756	Phí chuyển khoản ATM		-	-	-		
		7799	Chi khác		-	-	-		

* Ghi chú: Công khai niêm yết trên bảng tin từ ngày 01/04/2023 đến ngày 29/04/2023

Ngày 10 tháng 4 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Thân Thị Thanh Tao

Quận 7, ngày 10 tháng 4 năm 2023

Số: 113/BB-MNTQ

BIÊN BẢN
NIÊM YẾT CÔNG KHAI
Báo cáo công khai thực hiện tài chính ngân sách quý 1 năm 2023

Căn cứ Thông tư số: 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Công văn số 5121/UBND-GDĐT-TCKH ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc hướng dẫn thu, sử dụng học phí năm học 2022 – 2023 của các cơ sở Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn Quận 7;

Căn cứ Quyết định số 8479/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND quận 7 về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2023;

Hôm nay, vào lúc 10h00 ngày 10 tháng 4 năm 2023 tại Trường Mầm non Tân Quy

*** Thành phần tham dự**

- | | |
|-------------------------------|---------------------------------|
| 1/ Bà: Thân Thị Thanh Tao | - Hiệu trưởng |
| 2/ Bà: Nguyễn Thị Khánh Kim | - Phó Hiệu trưởng |
| 3/ Bà: Tống Thị Thuỳ Trang | - Phó Hiệu trưởng |
| 4/ Bà: Trần Thị Thuỳ Trang | - Thư ký HĐ |
| 5/ Bà: Nguyễn Thị Xuân Nhân | - Trưởng ban thanh tra nhân dân |
| 6/ Bà: Nguyễn Thị Thanh Sương | - Chủ tịch công Đoàn |
| 7/ Bà: Trần Tống Quỳnh Trang | - Kế toán |

*** Nội dung biên bản**

Tiến hành công khai và niêm yết công khai việc thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước Quý 1/2023, như sau:

- Nội dung niêm yết công khai: Công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước Quý 1/2023 theo biểu số 03 (Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính) đính kèm.

- Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại trụ sở Trường Mầm non Tân Quy.

- Địa điểm niêm yết: Tại bảng thông tin cần biết Trường Mầm non Tân Quy.

- Thời gian niêm yết: Kể từ 10h30 phút 10 ngày 4 năm 2023 đến 11h00 ngày 25 tháng 4 năm 2023.

- Biên bản được lập vào lúc 10h30 ngày 10 tháng 4 năm 2023, được lập thành 03 bản: 01 bản niêm yết, 01 bản lưu hồ sơ nhà trường, 01 bản lưu hồ sơ kế toán.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN



Trần Thị Thuỳ Trang

HIỆU TRƯỞNG



Thân Thị Thanh Tao

THÀNH PHẦN THAM DỰ

Nguyễn Thị Khánh Kim	
Tổng Thị Thuỳ Trang	
Nguyễn Thị Xuân Nhân	
Nguyễn Thị Thanh Sương	
Trần Tổng Quỳnh Trang	

Số: 134/BB-MNTQ

Quận 7, ngày 25 tháng 4 năm 2023

BIÊN BẢN
Kết thúc niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước Quý 1/2023

Hôm nay, vào lúc 11h15 ngày 25 tháng 4 năm 2023 tại Trường Mầm non Tân Quy

*** Chúng tôi gồm có:**

- | | |
|-------------------------------|---------------------------------|
| 1/ Bà: Thân Thị Thanh Tao | - Hiệu trưởng |
| 2/ Bà: Tống Thị Thuỳ Trang | - Phó Hiệu trưởng |
| 3/ Bà: Trần Thị Thuỳ Trang | - Thư ký HĐ |
| 4/ Bà: Nguyễn Thị Xuân Nhân | - Trưởng ban thanh tra nhân dân |
| 5/ Bà: Nguyễn Thị Thanh Sương | - Chủ tịch công Đoàn |
| 6/ Bà: Trần Tống Quỳnh Trang | - Kế toán |

- Đã tiến hành kết thúc việc niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước Quý 1/2023.

- Thời gian kết thúc niêm yết: Kể từ 11h30 phút ngày 25 tháng 4 năm 2023.

- Biên bản được hoàn thành vào lúc 11h30 cùng ngày và được thống nhất thông qua, niêm yết theo đúng qui định.



HIỆU TRƯỞNG

Thân Thị Thanh Tao

P.HIỆU TRƯỞNG

Tống Thị Thuỳ Trang

KẾ TOÁN

Trần Tống Quỳnh Trang

THÀNH PHẦN THAM DỰ

Nguyễn Thị Xuân Nhân

Nguyễn Thị Thanh Sương

.....
.....

